TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** TỈNH QUẢNG NGÃI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07/12/2017
V/v *"Không công nhận vợ chồng ".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;

2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2017, về việc "Không công nhận vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/11/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1961.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Hòa H, sinh năm 1976.

Cùng trú tại: Tổ 06, hẻm 31, số nhà 34/43 H, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Tôi và cô Lê Thị Hòa H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa tôi và cô H không hòa hợp, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, nguyên nhân mâu thuẫn vì năm 2013 cô H vay mượn số tiền là 125.000.000 đồng tiêu xài vì mục đích cá nhân mà không báo cho tôi biết. Để trả nợ cô H chúng tôi đã thỏa thuận phân chia tài sản nhà và đất mà vợ chồng tạo lập, sau đó cô H vẫn chứng nào tật nấy vẫn tiếp tục vay mượn tiền tiêu xài cá nhân mà không có sự đồng ý của tôi. Mặc dù các khoản chi tiêu trong gia đình tôi đều lo hết.

Đến nay tình cảm giữa tôi và cô H không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn cô H.

Tôi và cô H có 02 con chung là cháu Trần Quang C, sinh ngày 03/9/2000 và Trần Quang C, sinh ngày 15/12/2006; khi ly hôn tôi yêu cầu được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Quang C, cô H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Quang C, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và cô H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Bị đơn bà Lê Thị Hòa H trình bày:*

Tôi và ông Trần Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn đúng như ông T trình bày. Trong thời gian chung sống bản thân tôi không có việc làm và phải nuôi con nhỏ, phải tự trang trải chi phí trong cuộc sống, nhiều lúc thiếu thốn tôi có hỏi ông T nhưng ông T không đưa tiền cho tôi dẫn đến việc tôi phải vay mượn bên ngoài nhiều lần. Tôi thấy việc làm của tôi là sai trái nhưng một phần cũng do ông T gây ra. Nay ông T có đơn xin ly hôn với tôi, tôi đồng ý ly hôn ông T.

Tôi và ông T có 02 con chung đúng như ông T trình bày, theo nguyện vọng của các con khi ly hôn tôi thống nhất ông T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Quang C. Tôi chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Quang C. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: ông Trần Văn T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết việc hôn nhân của ông. Theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000 ông Trần Văn T và bà Lê Thị Hòa H tổ chức lễ cưới xong về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo qui định. Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội qui định: Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà đủ điều kiện kết hôn theo qui định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày luật này có hiệu lực

luật không công nhận là vợ chồng. Theo qui định trên thì ông T, bà H đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn. Vậy căn cứ khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Trần Văn T và bà Lê Thị Hòa H là vợ chồng.

[3] Về con chung: ông Trần Văn T và bà Lê Thị Hòa H đều trình bày có hai con chung là cháu Trần Quang C, sinh ngày 03/9/2000 và cháu Trần Quang C, sinh ngày 15/12/2006. Ông T yêu cầu được nhận chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Quang C. Bà H yêu cầu được nhận chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Quang C. Theo trình bày của cháu Trần Quang C, nguyện vọng được ở với ông Trần Văn T. Nguyện vọng của cháu Trần Quang C được ở với bà Lê Thị Hòa H. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T, bà H và nguyện vọng của hai cháu là phù hợp nên giao cháu Trần Quang C cho ông Trần Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Trần Quang C cho bà Lê Thị Hòa H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông T, bà H không yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, xét thấy phù hợp chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông T, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: ông Trần Văn T và bà Lê Thị Hòa H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: không công nhận ông Trần Văn T và bà Lê Thị Hòa H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Quang C cho ông Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Giao cháu Trần Quang C cho bà Lê Thị Hòa H trực tiếp

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: ông T và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số AA/2016/0001782 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[5] Về quyền kháng cáo: ông Trần Văn T và bà Lê Thị Hòa H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thành phố Quảng Ngãi;
- CC THADS TP Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Dũng